

Số: 378/BKS-MFS-2019

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2019
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
KỶ BÁO CÁO: NĂM 2018**

VĂN BẢN ĐẾN
Ngày: 18-06-2019
Số: 14117

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật MobiFone.

Ban kiểm soát chúng tôi xin báo cáo kết quả giám sát, hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 với các nội dung chính như sau:

A. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

Với nhiệm vụ và trách nhiệm của mình, Ban kiểm soát đã tiến hành rà soát Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật MobiFone đã được kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh do Ban điều hành lập xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2018 phù hợp với các chuẩn mực kế toán được chấp thuận chung tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Sau đây là những số liệu chính trong Báo cáo tài chính năm 2018:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	230.037.231.970	320.331.316.907
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	52.547.512.224	58.527.093.868
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	34.865.413.603	11.327.772.861
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	132.469.839.351	246.544.147.740
IV. Hàng tồn kho	140	3.931.353.540	1.599.674.603
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	6.223.113.252	2.332.627.835
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	33.317.043.587	67.741.624.194
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	2.883.892.539	2.132.632.179

TÀI SẢN	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
II. Tài sản cố định	220	29.464.386.195	63.661.177.846
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	255.220.000	318.310.909
IV. Tài sản dài hạn khác	260	713.544.853	1.629.503.260
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	263.354.275.557	388.072.941.101

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	97.930.161.068	237.362.820.202
I. Nợ ngắn hạn	310	97.879.161.068	219.268.970.994
II. Nợ dài hạn	330	51.000.000	18.093.849.208
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	165.424.114.489	150.710.120.899
I. Vốn chủ sở hữu	410	165.424.114.489	150.710.120.899
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	70.629.790.000	70.629.790.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	70.629.790.000	70.629.790.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	58.186.622.451	47.667.622.451
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	36.607.702.038	32.412.708.448
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	8.203.239.948	6.116.252.225
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	28.404.462.090	26.296.456.223
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	263.354.275.557	388.072.941.101

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ: Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	627.226.902.197	940.659.433.244
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung	10	627.226.902.197	940.659.433.244





UV

cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)			
4. Giá vốn hàng bán	11	567.599.813.039	867.209.860.192
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	59.627.089.158	73.449.573.052
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.851.276.602	3.058.569.570
7. Chi phí tài chính	22	2.492.465.431	4.477.559.336
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.038.310.682	4.158.575.909
8. Chi phí bán hàng	25	4.202.450.209	13.785.437.114
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19.100.456.458	24.448.769.089
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	36.682.993.662	33.796.377.083
11. Thu nhập khác	31	19.280.582	35.631.470
12. Chi phí khác	32	309.312.353	105.939.754
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31-32)	40	(290.031.771)	(70.308.284)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	36.392.961.891	33.726.068.799
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	7.988.499.801	7.429.612.576
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60	28.404.462.090	26.296.456.223
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.022	3.285

Seeli

Kang 2

de

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH VỐN GÓP CỦA CÔNG TY
TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2018**

1. Vốn điều lệ đăng ký

Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	Tên cổ đông	Vốn điều lệ theo đăng ký lần đầu		Vốn điều lệ hiện tại	
		Tổng vốn	Tỷ lệ (%)	Tổng vốn	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông sáng lập	32.000	40%	30.912.0	43.77%
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)	4.000	5%	-	-
2	Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	12.000	15%	22.208.0	31.26%
3	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu Điện	5.600	7%	3.091.2	4.38%
4	Công ty TNHH Thiên Việt	8.000	10%	4.416.0	6.25%
5	Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông	2.400	3%	1.324.8	1.88%
II	Cổ đông thể nhân	48.000	60%	39.717.8	56.23%
	Tổng cộng	80.000	100%	70.629.8	100%

B. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

1. Thực hiện kế hoạch doanh thu của Công ty:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	NĂM 2017	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	TỶ LỆ TH/KH 2018	TỶ LỆ 2018/2017
I. Doanh thu hàng hóa và dịch vụ	940.659.433.244	1.126.000.000.000	627.226.902.197	55,7%	66,68%
II. Giá vốn	867.209.860.192	1.063.852.000.000	567.599.813.039	53,35%	65,45%
III. Chi phí quản lý	24.448.769.089	24.500.000.000	19.100.456.458	77,96%	78,12%

2. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty:

TT	Các tỷ số / Ratios	Thực tế năm 2018	Thực tế năm 2017
I	Tỷ suất lợi nhuận / Profitability ratios		

1	Tỷ lệ lãi gộp / Gross profit margin - %	9,51%	7,81%
2	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu / Operating profit margin - %	5,85%	3,59%
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu / Net profit margin - %	5,80%	3,59%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu / Return on shareholders' funds - %	22,00%	22,38%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản / Return on assets - %	13,82%	8,69%
II Hiệu quả sử dụng tài sản / Asset utility			
1	Ngày thu tiền bình quân - ngày / Trade receivables turnover - days	74,30	93,72
2	Ngày thanh toán tiền bình quân - ngày / Trade payables turnover - days	41,27	68,49
3	Kỳ luân chuyển vốn lưu động bình quân / Net working capital turnover - days		31,19
III Khả năng thanh toán / Liquidity ratios			
1	Khả năng thanh toán nhanh - lần / Current ratio - times	0,89	0,32
2	Khả năng thanh toán tức thì - lần / Acid test ratio - times	0,54	0,27
3	Đòn cân nợ / Gearing - %		0,61
4	Khả năng thanh toán lãi vay - lần / Interest cover - times	18,85	9,1

C. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Trong năm 2018, HĐQT Công ty đã xây dựng, ban hành kịp thời các quyết định, quy định về vận hành sản xuất, kinh doanh phục vụ theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung những quy chế, quy định đã ban hành cho phù hợp với từng thời kỳ.

D. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018:

Trong năm 2018, HĐQT đã thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ.

HĐQT đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, quyết định ban hành đúng trình tự và căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

Về mặt nhân sự: Trong năm tài chính 2018, Hội đồng có sự thay đổi về nhân sự:

- Bầu Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2018 – 2023) tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 25/6/2018, bao gồm các Ông:
 - + Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Viễn thông MobiFone
 - + Ông Tường Duy Phúc – Trưởng Ban Chăm sóc khách hàng - Tổng công ty Viễn thông MobiFone
 - + Ông Vũ Quang Hải – Tổng Giám đốc Công ty MobiFone Service
 - + Ông Phan Tiến Dũng – Phó Tổng Giám đốc Công ty MobiFone Service
 - + Ông Trần Minh Đức – Phó Tổng Giám đốc Công ty MobiFone Service
- Ngày 20/12/2019: Hội đồng quản trị thống nhất đề Ông Nguyễn Mạnh Hùng thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và bầu bổ sung Ông Phan Tuấn Anh – Trưởng Ban Tài chính Tổng công ty làm Thành viên Hội đồng quản trị tạm thời; đồng thời, thống nhất bầu Ông Tường Duy Phúc làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

E. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Trong năm 2018 Ban điều hành đã bám sát phương hướng, nhiệm vụ đề ra theo đúng các định hướng, chỉ đạo của HĐQT để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là:

- + Hoàn thành chỉ tiêu Lợi nhuận năm 2018 được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt (dự kiến chia cổ tức 15%)
- + Thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

F. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

- Về mặt nhân sự: Trong năm tài chính 2018, Ban Kiểm soát có sự thay đổi về nhân sự, bầu Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2018 – 2023) tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 25/6/2019, bao gồm các Ông/Bà:

- + Ông Cao Thành Chung – Ban Tài chính Tổng công ty Viễn thông MobiFone
- + Bà Lê Hải Yến – Ban Kế toán Tổng công ty Viễn thông MobiFone
- + Bà Phạm Thị Thu Hằng – Công ty TNHH Thiên Việt
- + Ông Nguyễn Văn Chiến – Công ty cổ phần dịch vụ thương mại Tuệ Minh

- Về hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018:

Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty MobiFone Service trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty MobiFone Service, cụ thể như sau:

- + Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của MobiFone Service;
- + Kiểm tra công tác kế toán và Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán của Công ty;



- + Xem xét tính phù hợp của các quyết định, nghị quyết, quy chế, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc hoạt động quản lý và điều hành Công ty;
- + Xem xét việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết ĐHCĐ/HĐQT, Nghị quyết, quyết định, quy chế, chỉ đạo của MobiFone Service
- + Một số vấn đề khác có liên quan

G. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Chi phí hoạt động của BKS sẽ được đưa ra xin ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019:

STT	Loại chi phí	Thù lao năm 2017 (VNĐ)	Dự kiến thù lao năm 2018 (VNĐ)
1	Thù lao thành viên BKS	142.000.000	144.000.000
2	Công tác phí và chi phí khác		
	Tổng số	142.000.000	144.000.000

H. Kết luận và kiến nghị

Ban kiểm soát kết luận và kiến nghị như sau:

1. Về nâng cao công tác quản trị tài chính kế toán, hoàn thiện hệ thống quy trình quy định về kiểm soát rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh.
 - Để nâng cao chất lượng công tác kế toán tài chính Công ty nên tham khảo thêm tư vấn về thuế, tư vấn kiểm toán các phương án chi phí, dự án đầu tư để rà soát các rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh.
2. Tiếp tục nâng cao công tác tự thực hiện của Công ty
 - Công ty cần tiếp tục xây dựng đội ngũ để có thể chủ động và làm chủ công nghệ trong việc triển khai công tác dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ kỹ thuật callcenter, dịch vụ giá trị gia tăng.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu MFS.

ĐẠI DIỆN BAN KIỂM SOÁT

Cao Thành Chung Phạm Thị Thu Hằng Nguyễn Văn Chiến